

PHỤ LỤC 1
ĐỀ XUẤT BẢNG GIÁ ĐẤT NÔNG NGHIỆP NĂM 2026

37. XÃ BẾN LỨC

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN TỪ' ... ĐẾN HẾT	ĐƠN GIÁ ĐTVT ĐỀ XUẤT (đồng/m ²)			
			CHN	CLN	NTS	RSX
PHẦN I: VỊ TRÍ TIẾP GIÁP VỚI ĐƯỜNG GIAO THÔNG						
A	QUỐC LỘ (QL)					
	Quốc lộ 1A	Ngã ba Phước Toàn - Rạch ông Nhông	346.000	346.000	346.000	197.000
		Rạch Ông Nhông - Ngã 3 Nguyễn Trung Trực	346.000	346.000	346.000	197.000
		Ngã ba Nguyễn Trung Trực - Võ Ngọc Quận	346.000	346.000	346.000	197.000
		Võ Ngọc Quận - Cầu Bến Lức	346.000	346.000	346.000	197.000
B	ĐƯỜNG TỈNH (ĐT)					
	ĐT 830B (Đường Nguyễn Trung Trực)	QL 1A - Ranh xã Long Cang	346.000	346.000	346.000	197.000
C	CÁC ĐƯỜNG KHÁC					
I	Các đường có tên					
1	Phan Văn Mảng (ĐT 830)	QL 1A - Nguyễn Trung Trực	346.000	346.000	346.000	197.000
		Nguyễn Trung Trực - Ranh xã Long Cang (cầu Long Kim)	346.000	346.000	346.000	197.000
2	Nguyễn Hữu Thọ (ĐT 830)	QL 1A - Cầu An Thạnh	346.000	346.000	346.000	197.000
3	Đường vào công ty Cơ khí Long An	QL 1A - Chân cầu Bến Lức cũ	346.000	346.000	346.000	197.000
4	Võ Công Tồn	QL 1A - Cầu An Thạnh	346.000	346.000	346.000	197.000

5	Huỳnh Châu Sỗ	UBND Thị trấn - Đường Võ Ngọc Quận	346.000	346.000	346.000	197.000
		Đường Võ Ngọc Quận - cuối đường	346.000	346.000	346.000	197.000
6	Võ Ngọc Quận	Đường Huỳnh Châu Sỗ - Phạm Văn Ngũ	346.000	346.000	346.000	197.000
7	Phạm Văn Ngũ	Đường Võ Ngọc Quận - Cuối đường	346.000	346.000	346.000	197.000
8	Nguyễn Văn Tuôi	QL 1A - Nguyễn Trung Trực	346.000	346.000	346.000	197.000
9	Bà Chánh Thâu	Đường Nguyễn Hữu Thọ - Hết ranh Thị trấn Bến Lức	346.000	346.000	346.000	197.000
10	Nguyễn Văn Nhâm	Đường Bà Chánh Thâu - Hết ranh Thị trấn Bến Lức (cũ)	346.000	346.000	346.000	197.000
11	Mai Thị Non	Đường Nguyễn Hữu Thọ - Đường Nguyễn Văn Tiếp	346.000	346.000	346.000	197.000
12	Nguyễn Văn Tiếp (trừ khu dân cư đường số 10)	QL 1A - Đường Nguyễn Văn Siêu	346.000	346.000	346.000	197.000
13	Trần Thế Sinh	QL 1A - ĐT 830C	346.000	346.000	346.000	197.000
14	Nguyễn Văn Siêu	Đường Nguyễn Hữu Thọ - Hết ranh thị trấn Bến Lức cũ (kể cả một phần thuộc xã Thanh Phú)	346.000	346.000	346.000	197.000
15	Nguyễn Minh Trung (trừ KDC Mai Thị Non)	Ranh TT Bến Lức (cũ) - Hết đường Nguyễn Minh Trung nối dài	346.000	346.000	346.000	197.000
16	Đường Lê Văn Vịnh (cũ là đường vào Trung tâm bồi dưỡng chính trị)	QL1A - Mai Thị Non	346.000	346.000	346.000	197.000
17	Đường số 11- Khu dân cư trung tâm thị trấn Bến Lức (áp dụng cho phần đất ngoài dự án)	Đường số 11	346.000	346.000	346.000	197.000
18	Đường số 5- Khu dân cư Thuận Đạo (TT Bến Lức), (áp dụng cho phần đất ngoài dự án)	Đường số 5	346.000	346.000	346.000	197.000

II	Các đường chưa có tên					
1	Đường An Thạnh - Tân Bửu (cũ)	ĐT 830 - Cầu Rạch Tre	290.000	318.000	290.000	197.000
		Cầu Rạch Tre - Ranh Tân Bửu	290.000	318.000	290.000	197.000
2	Đường D1	Lê Văn Vĩnh - Nguyễn Văn Tiếp	346.000	346.000	346.000	197.000
3	Đường Thanh Phú - Mỹ Yên	Từ ranh xã Mỹ Yên (Cầu Mỹ Yên) - ĐT830C	290.000	318.000	290.000	197.000
III	Đường giao thông khác nền đường $\geq 3\text{m}$, có trải đá, sỏi đỏ, bê tông hoặc nhựa		403.000	403.000	403.000	230.000
IV	Đường giao thông khác nền đường từ 2, đến $< 3\text{m}$, có trải đá, sỏi đỏ, bê tông hoặc nhựa		322.000	322.000	322.000	197.000
V	Đường giao thông khác nền đường $\geq 6\text{m}$, có trải đá, sỏi đỏ, bê tông hoặc nhựa		524.000	524.000	524.000	299.000
VI	Đường giao thông khác nền đường đất $\geq 3\text{m}$		318.000	318.000	290.000	197.000
VII	Đường giao thông khác nền đường đất 2, đến $< 3\text{m}$		318.000	318.000	290.000	197.000
VIII	Đường giao thông khác nền đường đất $\geq 6\text{m}$		363.000	363.000	363.000	207.000
D	KHU DÂN CƯ TẬP TRUNG					
1	Khu chợ cũ Bến Lức	Mặt trước	346.000	346.000	346.000	197.000
		Mặt sau	346.000	346.000	346.000	197.000
2	Khu chợ mới Bến Lức	Đường Mai Thị Tốt, Bùi Thị Đồng	346.000	346.000	346.000	197.000
3	Khu dân cư Mai Thị Non (Trung tâm PTQĐ tỉnh)	Mặt tiền đường Nguyễn Hữu Thọ	346.000	346.000	346.000	197.000
		Đường Nguyễn Minh Trung	346.000	346.000	346.000	197.000
		Các đường từ số 1 đến số 14	346.000	346.000	346.000	197.000
4	Khu dân cư Thuận Đạo	Đường số 1	346.000	346.000	346.000	197.000
		Đường số 2	346.000	346.000	346.000	197.000
		Đường số 10, 11, 4A	346.000	346.000	346.000	197.000
		Đường số 9, 13, 8, 12	346.000	346.000	346.000	197.000
		Đường số 5, 7, 14, 4B	346.000	346.000	346.000	197.000
		Đường số 5 (quy hoạch)	346.000	346.000	346.000	197.000

5	Khu dân cư Long Kim 2	Đoạn Phan Văn Mãng	346.000	346.000	346.000	197.000
		Đoạn giáp Nguyễn Trung Trực	346.000	346.000	346.000	197.000
		Đường số 1	346.000	346.000	346.000	197.000
		Đường số 2	346.000	346.000	346.000	197.000
		Các đường còn lại	346.000	346.000	346.000	197.000
6	Khu dân cư Trung tâm thị trấn Bến Lức (Giai đoạn 1)	Đường song hành tiếp giáp đường Trần Thế Sinh	346.000	346.000	346.000	197.000
		Đường số 1, 3, 6, 11	346.000	346.000	346.000	197.000
		Đường số 2	346.000	346.000	346.000	197.000
		Đường số 4, 5, 10, 12, 13, 14, 15, 16, 17	346.000	346.000	346.000	197.000
		Đường số 7, 8	346.000	346.000	346.000	197.000
		Đường số 9	346.000	346.000	346.000	197.000
7	Khu dân cư Trung tâm thị trấn Bến Lức (Giai đoạn 2)	Đường số 1, 3, 8	346.000	346.000	346.000	197.000
		Đường số 2	346.000	346.000	346.000	197.000
		Đường số 5, 6, 7, 9	346.000	346.000	346.000	197.000
		Đường số 4	346.000	346.000	346.000	197.000
		Đường song hành tiếp giáp đường Trần Thế Sinh	346.000	346.000	346.000	197.000
8	Khu tái định cư và cao tầng đa chức năng (Công ty CP Đầu tư Nam Long - xã An Thạnh)	Các tuyến đường: ĐT 830, T1, N3	346.000	346.000	346.000	197.000
		Các tuyến đường:				
		N1 (từ ĐT 830 đến Đ1), N4, N13, Đ2, Đ3 (từ N3 đến N4), Đ5 (từ N3 đến N4)	346.000	346.000	346.000	197.000
		Các tuyến đường:				
		Đ1 (khu A7, A8, A9), Đ2, Đ5 (từ N4 đến N11), N9 (từ Đ2' đến Đ5), N11	346.000	346.000	346.000	197.000
		Các tuyến đường còn lại	346.000	346.000	346.000	197.000
9	Khu Tái định cư An Thạnh (Công ty Cổ Phần đầu tư Hoàng Long)	Các đường số 3, đường A, đường B, đường C	346.000	346.000	346.000	197.000

10	Khu dân cư Gò Đen (Công ty CP địa ốc)	Đường Phước Lợi - Phước Lý	346.000	346.000	346.000	197.000
		Đường số 10, 12	346.000	346.000	346.000	197.000
		Các đường còn lại	346.000	346.000	346.000	197.000
11	Khu dân cư Đường số 10	Đường Nguyễn Văn Tiếp	346.000	346.000	346.000	197.000
		Đường số 1	346.000	346.000	346.000	197.000
		Đường số 2	346.000	346.000	346.000	197.000
		Đường số 8	346.000	346.000	346.000	197.000
		Đường số 9	346.000	346.000	346.000	197.000
		Các đường còn lại	346.000	346.000	346.000	197.000
12	Khu dân cư Long Phú	Đường D1, D2, D3, D4, N2, N4	346.000	346.000	346.000	197.000
		Đường N1, N3	346.000	346.000	346.000	197.000
13	Khu dân cư Trần Anh Riverside	Đường D1	346.000	346.000	346.000	197.000
		Đường D5, D4, D3, N4, N5, N6, N7, N8, N9, N10, N11	346.000	346.000	346.000	197.000
		Đường N1, N2, N3, D2	346.000	346.000	346.000	197.000
14	Khu dân cư Thương mại dịch vụ Trần Anh Riverside 2	Đường N3	346.000	346.000	346.000	197.000
		Đường D1	346.000	346.000	346.000	197.000
		Đường D2, D3, D4, D5, N1, N2	346.000	346.000	346.000	197.000
PHẦN II: VỊ TRÍ TIẾP GIÁP SÔNG, KÊNH						
Áp dụng giá đất tại PHẦN III						
PHẦN III: VỊ TRÍ KHÔNG THUỘC QUY ĐỊNH TẠI PHẦN I VÀ PHẦN II						
	xã Bến Lức		290.000	318.000	290.000	197.000